

Số: 448 /TB-TTBVTV-KT

Đồng Nai, ngày 21 tháng 6 năm 2018

## THÔNG BÁO

Tình hình sinh vật gây hại 7 ngày  
(Từ ngày 14/6 – 20/6/2018)

### I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

#### 1. Thời tiết trong tuần

- Nhiệt độ: Trung bình: 26,0 – 27,2°C; Cao nhất: 34,3°C; Thấp nhất: 22,1°C.
- Ẩm độ: Trung bình: 85 – 89%; Thấp nhất: 59%.
- Tổng số giờ nắng: 38 – 42 giờ.
- Lượng mưa: 85 – 229 mm.

Thời tiết: Mây thay đổi đến nhiều mây, ngày nắng nhẹ, trưa chiều mưa vừa đến mưa to nhiều nơi. Các loại cây trồng sinh trưởng và phát triển bình thường.

#### 2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

**Cây lúa:** Vụ Hè Thu: Xuống giống 21.953 ha/22.185 ha, đạt 99% DTKH. Lúa đang ở giai đoạn: mạ (1.659 ha), đẻ nhánh (13.545 ha), làm đòng (6.749).

Các giống chủ yếu OM6976, OM7347, OM6162, OM4900, OM5451, ML214, ML202, IR50404, MTL110...

#### Cây trồng khác

Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Bắp	Phát triển thân lá	16.936/20.068
Rau các loại	Các giai đoạn	4.291
Đậu các loại	Các giai đoạn	1.440
Cây có múi	Các giai đoạn	6.936
Chôm chôm	Thu hoạch	10.950
Xoài	Chăm sóc sau thu hoạch	11.534
Chuối	Các giai đoạn	7.306
Sầu riêng	Nuôi trái, thu hoạch	4.051
Tiêu	Ra hoa – trái non	17.087
Đào	Phát triển cành lá	38.888
Cao su (tiểu điền)	Khai thác	14.568
Cà phê	Nuôi trái	17.172

## II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI (SVH) 7 NGÀY QUA

1. **Trên cây lúa:** Lúa giai đoạn mạ, đẻ nhánh, làm đòng. Thời tiết thuận lợi cho các SVH phát triển: Bệnh đạo ôn lá DTN 502 ha tăng 49 ha, bệnh bạc lá DTN 256 ha tăng 180 ha, ốc brou vàng DTN 249 ha giảm 70 ha, sâu cuốn lá nhỏ DTN 156 ha tăng 17 ha.

### 2. Cây trồng khác

- Cây bắp: SVH chủ yếu là sâu xám DTN 57 ha tăng 1 ha, sâu đục thân DTN 44 ha tăng 40 ha.

- Rau màu: DTN các SVH ở mức nhẹ.

- Cây ăn quả:

+ Cây có múi: Sâu vẽ bùa DTN 271 ha giảm 8 ha, nhện nhỏ DTN 57 ha tăng 4 ha.

+ Chôm chôm: Rệp sáp DTN 180 ha giảm 5 ha, bệnh cháy mép lá DTN 120 ha giảm 3 ha, bệnh thối quả DTN 93 ha tăng 35 ha.

+ Sầu riêng: Bệnh xì mù DTN 397 ha giảm 30 ha, bệnh thối trái DTN 158 ha tăng 60 ha.

+ Thanh long: Bệnh đốm nâu DTN 92 ha tăng 2 ha, có 4 ha nhiễm nặng.

- Cây công nghiệp:

+ Cây tiêu: Bệnh thán thư DTN 968 ha tăng 49 ha, bệnh chết chậm DTN 866 ha giảm 5 ha, có 6 ha nhiễm nặng, tuyến trùng DTN 527 ha có 4 ha nhiễm nặng.

+ Cây điều: Bệnh nấm hồng DTN 90 ha tăng 3 ha, bệnh thán thư DTN 968 ha tăng 49 ha.

## III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI

Với điều kiện thời tiết và giai đoạn sinh trưởng của các loại cây trồng trong kỳ, cần chú ý các đối tượng SVH sau:

- Cây lúa: Rầy nâu, VL – LXL, đạo ôn lá, bệnh bạc lá và sâu cuốn lá.

- Cây bắp: Chú ý sâu xám, rệp ngô.

- Cây rau: Sâu tơ, bọ nhậy, bọ trĩ, dòi đục lá, bệnh sương mai, bệnh thối nhũn.

- Cây ăn quả: Bệnh xì mù, bệnh cháy lá chết đọt, bệnh nấm hồng (sầu riêng); sâu vẽ bùa, bệnh cháy gôm (cây có múi); bệnh thán thư, bọ trĩ, ruồi đục quả (xoài).

- Cây công nghiệp: Bệnh thán thư, tuyến trùng, bệnh chết nhanh, chết chậm (hồ tiêu); bọ xít muỗi, bệnh thán thư (điều); bệnh phấn trắng, nấm hồng (cao su); bệnh khảm lá (mì).


#### IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Khuyến cáo nông dân áp dụng quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc phù hợp từng giai đoạn phát triển của cây, thường xuyên thăm đồng phát hiện kịp thời các SVH, xử lý kịp thời.

- Cây lúa: Chú ý theo dõi diễn biến các đối tượng sâu bệnh trên lúa để có biện pháp phòng chống kịp thời. Thực hiện tốt công văn số 154/BVTV-TV, ngày 16/01/2018, về việc tăng cường phòng chống sâu năn, bệnh VL-LXL hại lúa của Cục BVTV.

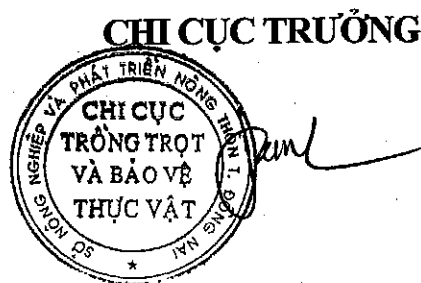
- Cây mì: khuyến cáo nông dân không sử dụng hom giống đã nhiễm bệnh khảm lá, chú ý điều tra phát hiện những diện tích mới nhiễm tiến hành khoanh vùng tiêu hủy tránh lây lan sang diện rộng.

- Nam Bộ đang bước vào mùa mưa, diện tích nhiễm các loại bệnh chết nhanh, chết chậm trên hồ tiêu, bệnh thán thư trên điều, bệnh phấn trắng trên cao su... phát sinh phát triển. Cần tuyên truyền, tập huấn cho nông dân cách nhận biết và các biện pháp phòng chống bệnh theo quy trình của Cục BVTV nhằm hạn chế gia tăng diện tích, tỷ lệ bệnh trong thời gian tới.

Các trạm Trồng trọt và BVTV huyện, liên huyện tiếp tục thực hiện thông báo về dự tính, dự báo sâu bệnh hại trên các loại cây trồng; tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp phòng chống sâu bệnh tổng hợp cho nông dân, báo cáo về Chi cục để xem xét chỉ đạo. /: 

#### Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV phía Nam (Email);
- Sở NN và PTNT (Báo cáo);
- Chi cục trưởng và các Phó Chi cục trưởng (Email);
- Các trạm Trồng trọt và BVTV (Email);
- Phòng quản trị mạng (đăng trang web);
- Lưu: VT, KT.



**Trần Lâm Sinh**



**DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH**  
(Từ ngày 14/6 đến ngày 20/6/2018)

Cây trồng	Tên SVGH*	GDST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	Số kỳ trước (+/-)	Số CKNT (+/-)	DT P. trừ	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng					
Cây có múi	Sâu vẽ bùa	Các giai đoạn	3 - 10		267	4	0	271	0	-8.0	56.0	126	Định Quán, Xuân Lộc, Tân Phú, Trảng Bom, TX Long Khánh, Vĩnh Cửu
	Nhện nhỏ	Các giai đoạn	5		57	0	0	57	0	4.0	31.0	4	Định Quán, Tân Phú
	Bệnh loét	Các giai đoạn	5 - 7		42	0	0	42	0	7.0	42.0	115	Vĩnh Cửu, Tân Phú
Chôm chôm	Rệp sáp	Trái-thu hoạch	5 - 13		180	0	0	180	0	-5.0	98.0	60	Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, TX Long Khánh, Trảng Bom
	Bệnh chấy mép lá	Trái-thu hoạch	10 - 12		118	2	0	120	0	-3.0	-35.0	35	Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom, Tân Phú
	Bệnh thối quả	Trái-thu hoạch	5		93	0	0	93	0	35.0	62.0	25	Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Trảng Bom
	Bệnh muội đen	Các giai đoạn	1 - 15		70	2	0	72	0	0.0	34.0	6	Cẩm Mỹ, Trảng Bom, Thống Nhất
Chuối	Bệnh đốm lá VK	Các giai đoạn	10 - 21		89	5	0	94	0	3.0	-90.0	35	Trảng Bom, Thống Nhất
Mãng cụt	Bệnh cháy gôm quả	Trái-thu hoạch	3 - 5		30	0	0	30	0	0.0	30.0	0	TX Long Khánh
Mít	Bệnh thối quả	Trái-thu hoạch	5		15	0	0	15	0	8.0	15.0	0	TX Long Khánh
Nhãn	Bệnh chồi rồng nhãn	Ra bông-trái non	7		35	0	0	35	0	0.0	7.0	10	Xuân Lộc
Sầu riêng	Bệnh cháy gôm	Các giai đoạn	5 - 10		397	0	0	397	0	-30.0	282.0	145	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, TX Long Khánh, Tân Phú, Thống Nhất
	Bệnh cháy lá, chết đọt	Các giai đoạn	5 - 10		302	0	0	302	0	-2.0	214.0	105	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Thống Nhất, Tân Phú
	Bệnh thối trái	Trái-thu hoạch	2 - 10		158	0	0	158	0	60.0	41.0	106	Tân Phú, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, TX Long Khánh
	Bệnh nám	Các giai đoạn	15		119	0	0	119	0	-45.0	36.0	38	Cẩm Mỹ, Tân Phú

	hồng												
	Rầy bông	Các giai đoạn	5 - 10		10	80	0	90	0	15.0	90.0	8	TX Long Khánh, Thống Nhất
Thanh Long	Bệnh đốm nâu	Các giai đoạn	10	20	69	19	4	92	0	2.0	4.0	30	Trảng Bom, Xuân Lộc
Xoài	Sâu đục cành	Các giai đoạn	5		112	0	0	112	0	0.0	112.0	0	Định Quán
Ca cao	Bọ xít muỗi	Các giai đoạn	10 - 17		38	0	0	38	0	0.0	23.0	35	Thống Nhất, Trảng Bom
	Bệnh cháy lá	Các giai đoạn	5		20	0	0	20	0	0.0	13.0	14	Thống Nhất
Cà phê	Bệnh gỉ sắt	Các giai đoạn	10 - 20		632	8	0	640	0	-9.0	65.0	25	Cầm Mỹ, Định Quán, Trảng Bom, Thống Nhất
	Rệp sáp	Các giai đoạn	13 - 15		432	3	0	435	0	1.0	81.0	130	Xuân Lộc, Tân Phú, Cầm Mỹ, Định Quán, Thống Nhất, Trảng Bom, TX Long Khánh
	Bệnh đốm mắt cua	Các giai đoạn	15		376	4	0	380	0	-18.0	191.0	0	Cầm Mỹ, Trảng Bom
	Bệnh khô cành	Các giai đoạn	13 - 15		194	15	0	209	0	5.0	-123.0	31	Cầm Mỹ, Trảng Bom, TX Long Khánh, Thống Nhất
Cao su	Bệnh phấn trắng	Các giai đoạn	13		417	1	0	418	0	2.0	157.0	0	Cầm Mỹ, Trảng Bom
	Bệnh nấm hồng	Các giai đoạn	10 - 20		352	2	0	354	0	-31.0	267.0	207	Tân Phú, Cầm Mỹ, Long Thành, Thống Nhất, Trảng Bom
Điều	Sâu đục thân, cành	Các giai đoạn	5 - 11		408	2	0	410	0	11.0	255.0	25	Định Quán, Cầm Mỹ, Trảng Bom, Thống Nhất, Vĩnh Cửu
	Bệnh nấm hồng	Các giai đoạn	15 - 16		90	0	0	90	0	3.0	45.0	0	Cầm Mỹ, Định Quán
	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	5 - 12	25	70	12	0	82	0	-5.0	7.0	25	Trảng Bom, Thống Nhất
Hồ tiêu	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	5 - 7		921	47	0	968	0	49.0	250.0	83	Cầm Mỹ, Trảng Bom, Xuân Lộc, Thống Nhất, Tân Phú, Long Thành, Định Quán
	Bệnh chết chập	Các giai đoạn	3 - 10	12 - 15	731	129	6	866	0	-5.0	308.0	94	Cầm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, TX Long Khánh, Tân Phú, Thống Nhất, Định Quán
	Rệp sáp	Các giai đoạn	5 - 10	15 - 22	633	23	1	657	0	-7.0	430.0	37	Cầm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, Tân Phú, Định Quán, TX Long Khánh, Thống Nhất

	Bệnh tuyến trùng	Các giai đoạn	5 - 10	22	475	48	4	527	0	1.0	-343.0	105	Xuân Lộc, Trảng Bom, TX Long Khánh, Thống Nhất
	Bệnh chết nhanh	Các giai đoạn	2 - 8	4	166	9	2	177	0	-4.0	98.0	52	Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom, Tân Phú
Mía	Bệnh rỉ sắt	Các giai đoạn	15		6	0	0	6	0	1.0	0.0	0	Trảng Bom
	Sâu đục thân	Các giai đoạn	10		4	0	0	4	0	0.0	1.0	0	Trảng Bom
Sắn (Mi)	Bọ phấn	Các giai đoạn	5		173	0	0	173	0	173.0	173.0	0	Long Thành
	Bệnh vi khuẩn	Các giai đoạn	5		3	0	0	3	0	-1.0	3.0	0	Trảng Bom
Ngô (Bắp)	Sâu xám	Cây con	5		57	0	0	57	0	1.0	15.0	24	Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom
	Sâu đục thân, bắp	Loa kèn, trổ cờ	5 - 15		44	0	0	44	0	40.0	32.0	44	Xuân Lộc, Thống Nhất
	Bệnh rỉ sắt	Cây con	15		14	0	0	14	0	-69.0	14.0	14	Tân Phú
	Rệp ngô	Các giai đoạn	15		13	0	0	13	0	7.0	5.0	4	Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom
Lúa	Bệnh đạo ôn lá	Làm đòng-đẻ nhánh	4 - 10		502	0	0	502	0	49.0	-600.0	379	Tân Phú, Xuân Lộc, Định Quán, Nhơn Trạch, Long Thành, Cẩm Mỹ, TX Long Khánh, Thống Nhất, TP Biên Hòa, Trảng Bom
	Bệnh bạc lá (cháy bìa)	Đẻ nhánh-Làm đòng	5 - 20		256	0	0	256	0	180.0	164.0	226	Xuân Lộc, Tân Phú, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu, TP Biên Hòa
	Ốc bươu vàng	Mạ-đẻ nhánh-đòng trổ	1 - 5		246	3	0	249	0	-70.0	-10.0	130	Trảng Bom, Định Quán, Vĩnh Cửu, Tân Phú, Long Thành, Thống Nhất
	Sâu cuốn lá nhỏ	Mạ-đẻ nhánh-đòng trổ	1 - 35		156	0	0	156	0	17.0	10.0	104	Tân Phú, Định Quán, TX Long Khánh, Cẩm Mỹ, TP Biên Hòa
	Chuột	Mạ-đẻ nhánh-đòng trổ	3 - 5		100	0	0	100	0	53.0	-88.0	1075	Nhơn Trạch, Tân Phú, Long Thành
	Bệnh khô vằn	Mạ-đẻ nhánh-đòng trổ	5 - 10		71	0	0	71	0	36.0	26.0	76	Tân Phú, Long Thành, Vĩnh Cửu
	Bọ trĩ (bù lạch)	Mạ-đẻ nhánh-đòng trổ	7 - 10		37	3	0	40	0	-7.0	2.0	25	Tân Phú, Trảng Bom

Bầu bí	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	20	30	4	1	0	5	0	3.0	2.0	5	Nhon Trạch
	Dòi đục lá	Các giai đoạn	15		5	0	0	5	0	-7.0	5.0	0	Long Thành
	Ruồi đục quả	Các giai đoạn	10	20	3	2	0	5	0	-3.0	2.0	5	Nhon Trạch
Dưa chuột (dưa leo)	Ruồi đục quả	Các giai đoạn	5 - 10	20	11	3	0	14	0	2.0	5.0	10	Long Thành, Nhon Trạch, Trảng Bom
	Bệnh giả sương mai	Các giai đoạn	5 - 10	20	10	2	0	12	0	-5.0	12.0	3	Trảng Bom, Nhon Trạch
Mướp đắng (khô qua)	Bệnh đốm vàng	Các giai đoạn	15		15	2	0	17	0	2.0	0.0	0	Trảng Bom
	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	5 - 10	30	8	4	0	12	0	5.0	3.0	12	Nhon Trạch, Long Thành
	Ruồi đục quả	Các giai đoạn	5 - 10	25	5.5	3.5	0	9	0	-4.0	1.0	6	Nhon Trạch, Trảng Bom
Rau cải ăn lá	Bọ nhày	Các giai đoạn	1 - 20		15.5	0	0	15.5	0	-2.5	-0.5	8.5	Tân Phú, Định Quán, Trảng Bom, Thống Nhất, TP Biên Hòa
	Bệnh héo xanh	Các giai đoạn	3 - 5	10	6	0	0	6	0	1.0	5.0	4	Tân Phú, Nhon Trạch
	Ruồi đục lá	Các giai đoạn	2 - 8		5	0.6	0	5.6	0	0.1	5.6	5.6	Thống Nhất, TP Biên Hòa
Rau cần nước	Bệnh đốm lá	Các giai đoạn			5	0	0	5	0	0.0	5.0	5	Thống Nhất
	Sâu xanh	Các giai đoạn			5	0	0	5	0	-1.0	5.0	5	Thống Nhất
Rau muống	Sâu xanh	Các giai đoạn	5		2.5	0.5	0	3	0	0.0	2.0	0	Trảng Bom
	Sâu khoang	Các giai đoạn	5		2	0	0	2	0	-2.0	-1.0	0	Trảng Bom